

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2017/HS-ST
Ngày 26 - 9 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Bà Đàm Thị Tư
tòa: Bà Nguyễn Thị Lam
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Lệnh Thi

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dạ Lan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuyền, Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở tổ 3, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 20/2017/TLST-HS ngày 22 tháng 8 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2017/QĐXXST-HS ngày 12/9/2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn K, sinh ngày 22 tháng 8 năm 1995 tại xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1968 và bà Hoàng Thị C, sinh năm 1971; có vợ là Triệu Thị T, sinh năm 1995 và có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 13/4/2017, đến ngày 11/8/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho Bảo lĩnh. Có mặt.

Người bị hại:

1- Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn H, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2- Bà Nông Thị N, sinh năm 1944, trú tại: Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang (đã chết)

Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Ông Hoàng Chiến L (Con trai thứ ba của bà N), sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- Anh Mã Huy H, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn H, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

Người làm chứng:

1- Anh Đào Xuân Đ, sinh năm 1993; nơi đăng ký HKTT: Xóm Đ, xã Y, huyện M, tỉnh Ninh Bình. Hiện tạm trú tại: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2- Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1961; nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

3- Chị Linh Thị T, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 13/4/2017, Nguyễn Văn K, sinh năm 1995, trú tại Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang, điều khiển xe tự chế, loại 04 bánh đi từ nhà lên thôn G, xã T, huyện B để chở thuê máy xúc cho anh Đào Xuân Đ, sau khi đưa máy xúc lên thùng xe, Nguyễn Văn K điều khiển xe đi theo hướng đường bê tông liên thôn, từ thôn K đi thôn C, xã T, huyện B với tốc độ khoảng 10 km/h, còn anh Đ ngồi ở ghế phụ trong ca bin. Khi đi đến km 0 + 800 thuộc thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang, Nguyễn Văn K nhìn thấy phía trước có xe mô tô đi ngược chiều do chị Hoàng Thị T điều khiển và ngồi sau xe là bà Nông Thị N, nên đã giảm tốc độ và đi chậm lại, khi xe của Nguyễn Văn K đi cách xe mô tô của chị Hoàng Thị T đang điều khiển khoảng 02 mét, chị Hoàng Thị T đã dừng xe lại và tránh về mép đường bên phải hướng thôn C đi thôn K và dùng hai chân chống xuống đường để giữ thăng bằng, còn Nguyễn Văn K vẫn tiếp tục điều khiển xe đi tiếp, do đường hẹp nên phần thùng phía sau bên trái của xe tự chế, loại 04 bánh đã va chạm vào tay lái bên trái của xe mô tô biển kiểm soát 23D1 - 157.10 làm chị Hoàng Thị T bị ngã và xe mô tô bị đổ đè lên chân trái của chị T, còn bà Nông Thị N đã ngã xuống mặt đường bê tông và bị bánh lốp sau bên trái của xe tự chế, loại 4 bánh do Nguyễn Văn K điều khiển chèn vào đầu.

Hậu quả sau tai nạn bà Nông Thị N, sinh năm 1944, trú tại Thôn V, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang bị chết ngay tại chỗ, còn chị Hoàng Thị T được đưa đi Bệnh viện Đa khoa khu vực huyện B điều trị, đến ngày 14/4/2017 do

thương tích nhẹ nên chị Hoàng Thị T đã ra viện và có đơn từ chối giám định thương tích. Tài sản là xe tự chế loại 04 bánh và xe mô tô không bị hư hỏng gì.

Trên cơ sở các dấu vết để lại trên hiện trường, các dấu vết trên phương tiện xe tự chế, loại 04 bánh và xe mô tô biển kiểm soát 23D1 - 157.10. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang xác định, lỗi do Nguyễn Văn K điều khiển xe tự chế "*Không nhường đường cho xe đi ngược chiều theo quy định tại nơi đường hẹp*" và "*Điều khiển loại xe sản xuất, lắp ráp trái quy định tham gia giao thông*" vi phạm điểm c, khoản 6 Điều 5, Mục 1 và điểm c, khoản 5 Điều 16 của Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ, gây ra tai nạn giao thông, hậu quả gây thiệt hại về tính mạng của công dân.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 16/TT ngày 18/4/2017 của Trung tâm Pháp y - Sở y tế tỉnh Hà Giang đối với Nông Thị N, kết luận nguyên nhân chết: *Mất não do bẹp sọ não - sọ mặt*.

Với hành vi trên, tại Cáo trạng số 26/QĐ-KSĐT ngày 21/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố Nguyễn Văn K về tội "*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*" theo quy định tại khoản 1 Điều 202 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Sau khi xem xét tính chất mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vẫn giữ nguyên quan điểm về tội danh đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 202; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K từ 24 tháng đến 30 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Do gia đình bị cáo và gia đình người bị hại đã thỏa thuận xong về phần bồi thường thiệt hại. Tại phiên toà các đương sự không yêu cầu nào khác, nên không đề nghị xem xét.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự và áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự đề nghị tịch thu, xử lý bán phế liệu, sung công quỹ nhà nước.

Tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng đều nhất trí với tội danh và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản luận tội.

Bị cáo lời nói sau cùng: Do bị cáo xuất thân từ nông thôn, sự hiểu biết về pháp luật hạn chế, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa những lỗi lầm đã mắc phải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Tại các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Bị cáo Nguyễn Văn K thừa nhận ngày 13/4/2017 bị cáo điều khiển xe tự chế, loại 04 bánh tham gia giao thông gây ra tai nạn làm một người chết tại km 0 + 800 thuộc thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; phù hợp với biên bản, sơ đồ, bản ảnh khám nghiệm hiện trường; biên bản, bản ảnh khám nghiệm phương tiện; biên bản giám định và kết luận giám định xe tự chế loại 04 bánh của Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 23.01S; biên bản khám nghiệm tử thi, bản kết luận giám định pháp y tử thi, bản ảnh khám nghiệm tử thi đối với Nông Thị N cùng tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội "*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*" theo quy định tại khoản 1 Điều 202 của Bộ luật Hình sự.

[2.1] Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm tới trật tự, an toàn trong hoạt động giao thông đường bộ, đồng thời xâm phạm đến tính mạng của người khác là khách thể được pháp luật Hình sự Việt Nam bảo vệ. Bị cáo là người có trình độ văn hoá, hiểu biết pháp luật buộc bị cáo phải nhận thức được khi tham gia giao thông phải tuân thủ đúng nguyên tắc hoạt động giao thông đường bộ, việc bị cáo sử dụng xe tự chế loại 04 bánh tham gia giao thông là trái với quy định tại điểm a, Mục 2 Nghị quyết số 32/2007/NQ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ, vì đây là phương tiện bị đình chỉ lưu hành từ ngày 01/01/2008. Bên cạnh đó, khi điều khiển xe tự chế tham gia giao thông bị cáo không nhường đường cho xe đi ngược chiều theo quy định tại nơi đường hẹp dẫn đến tai nạn, hậu quả làm chết một người. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 202 của Bộ luật hình sự và cần áp dụng mức hình phạt phù hợp

với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để giáo dục bị cáo nói riêng và đấu tranh phòng ngừa chung.

Trong vụ án này, bị cáo sử dụng phương tiện là xe tự chế loại 04 bánh đã bị cấm lưu thông nên không đặt vấn đề có hay không có giấy phép lái xe. Bởi, theo quy định của Bộ luật Hình sự cũng như Luật Giao thông đường bộ thì chỉ đối với loại xe được lưu thông mới bắt buộc phải có giấy phép.

[2.2] Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội đã ra đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho gia đình người bị hại và được người bị hại, đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b và điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Về nhân thân, bị cáo có nhân thân tốt, luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú và có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 01/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng các quy định tại điều 60 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là phù hợp, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, như vậy cũng có tác dụng giáo dục đối với bị cáo.

[3] Về bồi thường thiệt hại:

Sau khi vụ án xảy ra, bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện khắc phục hậu quả và đã bồi thường xong các khoản tiền mai táng phí, tiền tổn thất về tinh thần cho gia đình của người bị hại Nông Thị N. Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa người bị hại và đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại phương tiện xe mô tô biển kiểm soát 23D1-175.10 cùng 01 giấy đăng ký xe số 076303 mang tên Mã Huy H và 01 chiếc máy xúc nhãn hiệu HITACHI U30, màu sơn vàng cho các chủ sở hữu, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Đối với vật chứng còn lại là 01 xe tự chế, loại 04 bánh, màu sơn xanh, không có biển kiểm soát, xe cũ đã qua sử dụng không kiểm tra máy bên trong, không xác định được số khung số máy, động cơ 01 xy lanh, không có phanh tay, không có kính chắn gió, không có đèn tín hiệu trước sau, không có gương quan sát phía sau hai bên, không xác định được cơ sở

sản xuất lắp ráp, vỏ xe bị han rỉ. Hội đồng xét xử xét thấy đây là phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội, cấm lưu hành, nên căn cứ Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự và áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự, điểm a Mục 2 Nghị Quyết số 32/2007/NQ-CP ngày 29/6/2007 của Chính phủ, tịch thu, xử lý bán phế liệu, sung công quỹ nhà nước.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Áp dụng khoản 1 Điều 202; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt:

Nguyễn Văn K 02 (Hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/9/2017).

Giao bị cáo Nguyễn Văn K cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự và áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự, điểm a Mục 2 Nghị Quyết số 32/2007/NQ-CP ngày 29/6/2007 của Chính phủ;

Tịch thu, xử lý bán phế liệu, sung công quỹ nhà nước 01 (Một) xe tự chế, loại 04 bánh, màu sơn xanh, không có biển kiểm soát, xe cũ đã qua sử dụng không kiểm tra máy bên trong, không xác định được số khung số máy, động cơ 01 xy lạnh, không có phanh tay, không có kính chắn gió, không có đèn tín hiệu trước sau, không có gương quan sát phía sau hai bên, không xác định được cơ sở sản xuất lắp ráp, vỏ xe bị han rỉ.

Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang ngày 06/9/2017.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 3, Điều 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn K phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 231, 234 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, người bị hại, đại diện hợp pháp của người bị hại, người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh Hà giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- UBND xã T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận THA hình sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

(Đã ký)

Đàm Thị Tư